

Bản án số: 561/2024/DS-PT
Ngày 22 tháng 7 năm 2024
“V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ.

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 16 và 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1532/2024/QĐPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1946; vắng mặt.

Địa chỉ: Số B, đường số D BC V Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Ong Xái K, sinh năm 1968; có mặt.

Địa chỉ: Số A, đường C, khóm G, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.2. Bà Huỳnh Tiên N, sinh năm 1939 (đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Tiên N:

1.2.1. Ông Trương M, sinh năm 1981; vắng mặt.

Địa chỉ: Số I, N, khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.2.2. Bà Trương M1, sinh năm 1973; có mặt.

Địa chỉ: Số D, đường L, khóm D, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.2.3. Ông Trương Q, sinh năm 1971; vắng mặt.

1.2.4. Ông Trương C, sinh năm 1976; vắng mặt.

1.2.5. Ông Trương Hên P, sinh năm 1984; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số A, P, khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.2.6. Bà Trương Tú H1, sinh năm 1979; vắng mặt.

Địa chỉ: Số B, Phường Ngọc L, khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương M, ông Trương Q, ông Trương C, ông Trương Hên P, ông Trương Tú H1: Bà Trương M1.

1.3. Bà Huỳnh Xía H2, sinh năm 1946; vắng mặt.

Địa chỉ: Số B, Phan Ngọc H3, khóm B, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2:

1.3.1. Ông Lư Văn D, sinh năm 1983; có mặt.

Địa chỉ: Số B, Phan Ngọc H3, khóm B, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.3.2. Ông Trần Duy K1, sinh năm 1983; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

1.4. Ông Huỳnh Văn D1, sinh năm 1957; vắng mặt.

Địa chỉ: Số G 47TH A VE, SE, CA 94121 USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D1: Bà Trương M1.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Kim H4, sinh năm 1975; vắng mặt.

Địa chỉ: Số A, Đ, khóm D, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Bảo C1, sinh năm 1974; có mặt.

Địa chỉ: Số I, đường Q, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị Mỹ N1, sinh năm 1975; có mặt.

Địa chỉ: Số A, Đ, khóm D, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1: Bà Lê Thị Bảo C1.

3.2. Bà Trương Thị H5, sinh năm 1952; vắng mặt.

Địa chỉ: Số B, B, Sanjose C, USA.

3.3. Bà Huỳnh Tích C2, sinh năm 1957; vắng mặt.

Địa chỉ: Số B, B, Sanjose C, USA.

3.4. Anh Huỳnh A, sinh năm 2000; vắng mặt.

3.5. Anh Huỳnh Lâm H6, sinh năm 2006; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số A, Đ, khóm D, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3.6. Chùa M2; vắng mặt.

Địa chỉ: Số B, N, khóm D, phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3.7. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Địa chỉ: Số G, N, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4. *Người kháng cáo, kháng nghị:* Ông Ong Xái K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Kim H; bà Trương M1 là nguyên đơn và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Tiến N; bà Huỳnh Xía H2 là nguyên đơn; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Tiến Ngọc, ông Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Văn D1 và bà Huỳnh Xía H2 trình bày:

Cha mẹ của các ông, bà là cụ Huỳnh Mộc H7 và cụ Trịnh Bích D2 có 05 người con gồm: Ông Huỳnh Tiến N, ông Huỳnh Kim H, bà Huỳnh Xía H2, ông Huỳnh Văn D1 và bà Huỳnh Tích C2. Tháng 6/1962, cụ H7 và cụ D2 thuê đất của chính quyền S xây dựng một căn nhà có cấu trúc loại nhà phố, một tầng lầu, tọa lạc tại số I, đường Đ, A (nay là nhà số A, Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau – gọi tắt là nhà số A, Đ); cụ H7, cụ D2 cùng các con sinh sống tại căn nhà này.

Ngày 07/02/1985 cụ H7 chết, cụ D2 tiếp tục sống với các con tại nhà số A, Đ đến khi các con lần lượt lập gia đình ở riêng. Riêng ông Huỳnh Kim H và vợ là bà Trương Thị H5 vẫn còn sinh sống tại đây với cụ D2. Ngày 05/7/2005 cụ D2 chết; cụ H7, cụ D2 chết không để lại di chúc.

Năm 1995, ông Huỳnh Kim H và bà Trương Thị H5 xảy ra mâu thuẫn nên sống riêng, sau đó ông H xuất cảnh định cư tại Canada, bà H5 cùng các con tiếp tục sinh sống tại căn nhà số A, Đ. Năm 1997, bà H5 xuất cảnh định cư tại Hoa Kỳ, giao nhà lại cho con trai là Huỳnh Kim H4 quản lý sử dụng.

Do cụ H7 từ trần năm 1985 nên thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ H7 đã hết, nên ½ di sản nhà đất nêu trên của cụ H7 được chuyển thành tài sản chung; yêu cầu chia tài sản chung phần của cụ H7 và tiến hành chia di sản ½ giá trị nhà số A Đ của cụ D2 cho các con.

- Theo ông Huỳnh Kim H4 trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ gia đình, nguồn gốc, cấu trúc nhà đất số A, Đ đề thám là do cụ H7, cụ D2 tạo lập năm 1962.

Năm 1972, cha ông là ông Huỳnh Kim H kết hôn với mẹ ông là bà Trương Thị H5 sống chung với cụ H7 tại nhà số A Đ đến năm 1977. Năm 1977 ông H bỏ nhà đi, sau này được biết ông H vượt biên định cư tại Canada. Năm 1978, cụ H7 về Bạc Liêu sống chung với cụ D2, bà H5 cùng 03 người con vẫn sinh sống tại nhà số A, Đ đến nay. Năm 1997, bà H5 xuất cảnh, giao nhà số A, Đ cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng. Trong thời gian ở tại căn nhà này, bà H5 đầu tư, sửa chữa nhiều

lần, lần sửa chữa gần nhất là năm 2001, bà H5 đầu tư sửa chữa toàn bộ căn nhà và xây thêm hai lầu (tổng số 03 tầng lầu). Từ năm 1975 đến nay bà H5, sau đó là ông (H4) thực hiện nghĩa vụ thuế nhà, đất cho Nhà nước. Nhà đất số A, ĐỀ THÁM đến nay vẫn chưa được cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở. Ông H4 không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Bà Trần Thị Mỹ N1 trình bày:

Thông nhất với nội dung và yêu cầu của ông H4.

- Theo bà Trương Thị H5 trình bày:

Phần đất tại số A, Đ là do cha chồng của bà là cụ Huỳnh Mộc H7 thuê đất của tư sản quốc gia chính quyền S năm 1962 cất nhà làm nơi mua bán. Năm 1972, bà cùng chồng là ông Huỳnh Kim H về Cà Mau sinh sống tại nhà đất số A, ĐỀ THÁM với cụ H7, việc mua bán trong gia đình cụ H7 giao cho vợ chồng bà quản lý, cụ H7 thường xuyên về Bạc Liêu. Năm 1975, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên bỏ nhà đi, bà cùng các con sinh sống tại căn nhà này. Năm 1977, ông H bỏ đi khỏi Cà Mau; năm 1978 cụ H7 thoả thuận bán lại căn nhà số A, Đ cho bà với giá bằng 13 lượng vàng 24k và giao toàn bộ giấy tờ gốc liên quan đến căn nhà cho bà quản lý, cụ H7 về Bạc Liêu ở. Riêng phần đất là đất thuê nên không thỏa thuận mua bán, cũng chính vì đất của Nhà nước nên bà kê khai đóng thuế đầy đủ theo quy định. Năm 1997, bà xuất cảnh định cư tại Hoa Kỳ, giao căn nhà cho con trai là Huỳnh Kim H4 quản lý, sau này H4 kết hôn với Trần Thị Mỹ N1 cùng quản lý căn nhà này. Từ năm 1982 đến nay, bà đã đầu tư sửa chữa căn nhà nhiều lần, cụ thể: năm 1982 sửa chữa lần thứ nhất, đến năm 1993 do nền đất thấp bị ngập bà tiếp tục nâng nền, tôn tạo thêm. Năm 1998 bà từ Hoa Kỳ về tiếp tục sửa chữa, tu bổ thêm căn nhà này. Năm 2001 bà đầu tư sửa chữa toàn bộ, trong đó xây thêm hai tầng để cho vợ chồng ông H4, bà N1 quản lý. Tính đến thời điểm phát sinh vụ kiện bà và các con có quá trình quản lý, sử dụng căn nhà trên 40 năm. Bà H5 xác định nhà đất số A, ĐỀ THÁM thuộc sở hữu của bà, không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Theo bà Huỳnh Tích C2 trình bày:

Căn nhà số A, Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau là do cha bà là cụ Huỳnh Mộc H7 và mẹ bà là cụ Trịnh Bích D2 thuê đất công thổ Quốc gia xây cất vào năm 1962. Tại căn nhà số A, ĐỀ THÁM chỉ có cha bà là cụ H7 và anh bà là ông Huỳnh Kim H ở, còn mẹ bà là cụ D2 và chị em của bà lại sinh sống tại Bạc Liêu, vì cha mẹ bà có nhà tại Bạc Liêu.

Năm 1972, ông Huỳnh Kim H cưới bà Trương Thị H5, nên bà H5 ở tại căn nhà số A, Đ từ năm 1972. Ông H và bà H5 có 03 người con chung, các con của ông H và bà H5 được sinh ra và lớn lên tại căn nhà số A, Đ. Đến năm 1977, ông H không còn chung sống với bà H5 và không còn ở trong căn nhà số A, Đ, vì ông H có người vợ khác; sau đó ông H đi ra nước ngoài sinh sống cho đến nay.

Năm 1978, cụ H7 bán căn nhà số A, Đ cho bà H5 với giá 13 lượng vàng 24K và cụ H7 về Bạc Liêu sinh sống với cụ D2 cho đến khi qua đời năm 1985. Cụ D2 không có sống trong căn nhà số A, Đ; khi cụ H7 qua đời vào năm 1985 thì cụ D2

vẫn sống ở Bạc Liêu cho đến khi qua đời vào năm 2005; căn nhà số A, Đ chỉ có bà H5 và 03 người con của bà H5 ở.

Đến năm 1997, bà H5 giao căn nhà số A, Đ cho con là Huỳnh Kim H4 quản lý sử dụng và cùng con gái sang Hoa Kỳ định cư. Căn nhà số A, Đ do cụ H7 xây cất từ năm 1962, nhà bị xuống cấp, bà H5 bỏ tiền ra sửa chữa nhiều lần nên căn nhà mới có hiện trạng như hôm nay. Bà H5 xác định căn nhà số A, Đ không phải là di sản thừa kế của cụ H7 và cụ D2, bà không đồng ý việc các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà số A, Đ, bà cũng không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

- *Đại diện của Chùa M2 (ông Hồng B) trình bày:*

Khoảng năm 2003, Chùa M2 do bị xuống cấp nên được tháo dỡ, xây mới. Khi tiến hành xây dựng có phát sinh tranh chấp với ông H4 phần đất có diện tích khoảng 6,7m², phần đất này sau khi đo đạc xác định là đất công thổ nên Ban quản lý C3 bỏ tiền ra mua lại quyền sử dụng của Nhà nước, nhưng sau đó để giữ hòa thuận hai bên thỏa thuận như sau: Phần đất phía dưới C3 để cho ông H4 sử dụng, phần không gian phía trên, khai thác, xây máy che của C3, thỏa thuận trên được thực hiện cho đến nay. Hiện C3 vẫn giữ quan điểm xử lý như thỏa thuận, không có yêu cầu gì tại vụ kiện này.

- *Đối với Ủy ban nhân dân thành phố C:* Không có ý kiến đối với vụ việc tranh chấp, xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 37; Điều 38; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Tiến N (do ông Trương M, Trương Q, Trương C, Trương Hên P, Trương Tú H1, ba Trương Mai kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng), ông Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Văn D1 và bà Huỳnh Xía H2 đối với ông Huỳnh Kim H4 về việc yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà và đất tại số A, Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 02/10/2023, bà Huỳnh Xía H2 là nguyên đơn, bà Trương M1 là nguyên đơn và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Huỳnh Tiến N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc chi di sản thừa kế là nhà và đất tại số A Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau; buộc ông H4 và vợ con ông H4 phải giao nhà đất để chia thừa kế theo quy định pháp luật.

- Ngày 04/10/2023, ông Ong Xái K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Kim H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Tiến N (do ông Trương M, Trương Q, Trương C, Trương Hên P, Trương Tú H1, Trương M1 kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng), ông Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Văn D1 và bà Huỳnh Xía H2 đối với ông Huỳnh Kim H4 về yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà và đất số A Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Ngày 10/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn những người thừa kế của cụ Huỳnh Mộc H7, cụ Trịnh Bích D2 di sản nhà, đất hiện tại số A Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau và tính công sức đóng góp của ông Huỳnh Kim H4.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Huỳnh Kim H, bà Huỳnh Xía H2 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Tiến N cùng thống nhất trình bày yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của các đồng nguyên đơn. Lý do, nhà đất số A đường Đ, Phường B, thành phố C là di sản do cha mẹ là cụ Huỳnh Mộc H7 và cụ Trịnh Bích D2 chết để lại chưa chia. Hai cụ chết không để lại di chúc. Do đó đề nghị Tòa án chia theo pháp luật cho 05 người con của hai cụ gồm: Bà Huỳnh Tiến N, ông Huỳnh Kim H, bà Huỳnh Xía H2, ông Huỳnh Văn D1 và bà Huỳnh Tích C2.

Trường hợp phía bị đơn có thiện chí hoà giải và giao tiền ngay cho nguyên đơn, thì các nguyên đơn đồng ý nhận mỗi suất thừa kế là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) để nguyên đơn được trọn quyền sở hữu nhà đất trên. Trường hợp bị đơn không đồng ý thì các nguyên đơn đề nghị Tòa án phân chia theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất theo chứng thư thẩm định giá ngày 21/8/2023 đối với phần diện tích đất 76,2m² có giá trị là 13.189.381.800đ. Đối với phần giá trị xây dựng theo kết quả định giá là 671.599.000đ các nguyên đơn đồng ý xác định phần này do bà hạnh sửa chữa, xây dựng lại nên không yêu cầu chia.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Huỳnh Kim H4 trình bày: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của các đương sự nêu trên, vì nhà đất trên có nguồn gốc do cụ H7 và cụ D2 thuê không phải là di sản thừa kế của cụ Huỳnh Mộc H7 và cụ Trịnh Bích D2.

Trường hợp các nguyên đơn có thiện chí hoà giải thì bị đơn đồng ý hoàn lại cho các đồng thừa kế mỗi suất 500.000.000đ.

Tại phần tranh luận:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Huỳnh Kim H, bà Huỳnh Xía H2 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Tiến N vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm đã trình bày nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các đồng nguyên đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn- ông Huỳnh Kim H4 tranh luận:

Cụ H7 và cụ D2 chỉ là người thuê đất của chính quyền S vào năm 1962 để cất nhà phố. Nhưng sau giải phóng cụ H7 và cụ D2 không đăng ký kê khai và cũng không nộp thuế. Năm 1978, cụ H7 đã bán căn nhà cho bà H5 và về Bạc Liêu sống chung với cụ D2. Bà H5 cùng 03 người con vẫn sinh sống tại nhà số A, Đ. Năm 1997, bà H5 xuất cảnh, giao nhà số A, ĐỀ Thám cho vợ chồng ông H4 quản lý, sử dụng và ông H4 đứng tên đăng ký kê khai năm 1997. Như vậy, bà H5 đã có quá trình sử dụng nhà đất liên tục hơn 40 năm và suốt quá trình đó không ai đề cập đến việc chia thừa kế.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định nhà đất tại số A, ĐỀ Thám không phải là di sản thừa kế của cụ H7 và cụ D2 và bác yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đơn kháng cáo của các đương sự và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, hủy bản bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết lại theo trình tự, thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của các đương sự và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế là nhà, đất tại số A, đường Đ, khóm D, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho các đồng thừa kế của cụ H7 và cụ D2 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về thời hiệu thừa kế:

Cụ H7 chết ngày 07/02/1985, cụ D2 chết ngày 05/7/2005. Ngày 23/4/2015, các nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại mục 1 phần III Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016, phần 1 Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì việc khởi kiện của nguyên đơn là trong thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Về hàng thừa kế: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ phù hợp với lời khai của các bên đương sự thể hiện: Cụ Huỳnh Mộc H7 (chết năm 1985) và cụ Trịnh Bích D2 (chết năm 2005) là vợ chồng. Quá trình chung sống, hai cụ có 05 người con chung gồm: gồm: bà Huỳnh Tiến N (bà N đã chết, hiện có các đồng thừa kế là ông Trương M, Trương Q, Trương C, Trương Hên P, Trương Tú H1, T), ông Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Văn D1 và bà Huỳnh Xía H2, bà Huỳnh Tích C2.

Các bên đương sự đều thống nhất khai: cụ H7 và cụ D2 không còn người vợ, người chồng hoặc người con riêng nào khác; cha mẹ của cụ H7 và cha mẹ của cụ D2 đều đã chết và chết trước các cụ. Các bên đương sự không ai tranh chấp về hàng thừa kế.

[2.3] Về di sản thừa kế:

[2.3.1] Căn cứ lời khai thống nhất của các bên đương sự có cơ sở xác định nguồn gốc nhà đất số A đường Đ, Phường B, thành phố C do cố H7 và cố D2 thuê đất của Chế độ cũ từ năm 1962 và cất nhà số A để ở từ năm 1962 (có giấy phép xây dựng vào tháng 6 năm 1962). Nhà có cấu trúc loại nhà phố, một tầng lầu. Sau khi thuê đất, cất nhà cố H7 và cố D2 đã có quá trình sinh sống tại nhà này cho đến lúc các con lần lượt lập gia đình ở riêng, chỉ còn ông Huỳnh Kim H ở chung. Đến năm 1985, cố H7 chết thì ông Huỳnh Kim H cùng vợ ông H là bà Trương Thị H5 và các con trong đó có ông H4 vẫn ở tại nhà số A, đường Đ. Nhà đất trên không bị xác lập sở hữu nhà nước, không có ai tranh chấp.

[2.3.2] Phía bị đơn – ông H4 và bà H5 trình bày trong quá trình sử dụng nhà đất số A đường Đ, Phường B, thành phố C, bà H5 đã ba lần bỏ tiền ra xây dựng, sửa chữa nhà. Do đó, toàn bộ trị giá phần xây dựng nhà là của bà H5. Các nguyên đơn cho rằng kết cấu nhà cũ gồm tầng trệt và lầu 1 cố H7 xây dựng năm 1962 vẫn còn hiện hữu, bà H5 chỉ xây thêm một tầng lầu và xác định chỉ tranh chấp di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tọa lạc tại số A đường Đ, Phường B, thành phố C, hoàn toàn đồng ý phần giá trị xây dựng, sửa chữa nhà theo kết quả định giá là giao cho bà H5, không ai tranh chấp về giá trị xây dựng. Do đó, Tòa án ghi nhận ý chí thống nhất của các đương sự xác định bà H5 được hưởng toàn bộ giá trị xây dựng nhà số A đường Đ, Phường B, thành phố C và xác định di sản tranh chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất tại số A đường Đ, Phường B, thành phố C.

[2.3.3] Đối với ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của ông H4 và bà H5 cho rằng: năm 1978, cụ H7 đã bán lại căn nhà số A, Đề Thám cho bà H5 với giá bằng 13 lượng vàng 24k và giao toàn bộ giấy tờ gốc liên quan đến căn nhà cho bà quản lý. Riêng phần đất là đất thuê nên không thỏa thuận mua bán. Xét, ý kiến của phía ông H4, bà H5, bà Tích C2 không được các đồng nguyên đơn thừa nhận. Phía ông H4, bà H5 cũng không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà H5 đã mua nhà đất trên của cụ H7.

[2.3.4] Việc phía bị đơn cho rằng ông H4 có quá trình sử dụng đất liên tục và đăng ký kê khai tại Sở Mục Kê nên tài sản này không phải là di sản thừa kế của cụ H7 và cụ D2, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Công văn số 1588/UBND-ĐĐ ngày 14/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố C xác định: *“Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ lưu trữ không có thông tin về xác lập quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 129, tờ bản đồ số 07, diện tích 69,80m² ... Theo bản đồ, mục kê năm 1997 thì thửa đất số 129, tờ bản đồ số 07 thể hiện tên ông Huỳnh Kim H4; theo tờ bản đồ, mục kê năm 2009 thì vị trí thửa đất là thửa 156, tờ bản đồ số 06 thể hiện tên ông Huỳnh Kim H4. Hiện nay tại vị trí thửa đất nêu trên chưa chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất”*.

Do đó, xác định, ông H4 có đăng ký vào Sổ mục kê năm 1997 và năm 2009 nhưng cho đến nay ông H4 vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C cung cấp thông tin đối với trường hợp ông Hải đăng k kê khai đối với phần đất nêu trên, nhưng các cơ quan này không cung cấp được thông tin theo yêu cầu của Tòa án. Ông H4 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông đăng ký kê khai quyền sử dụng đất được sự đồng ý của cố H7, cố D2 hay được cố H7, cố D2 tặng, cho.

[2.3.5] Như vậy, nhà đất số A đường Đ có nguồn gốc của cố H7 và cố D2, không phải là tài sản vắng chủ. Việc bà H5 (vợ ông H, là con dâu của cố H7, cố D2) và ông H4 (cháu nội của cố H7, cố D2) sống tại nhà số A từ trước đến nay, không phải là chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục công khai theo qui định tại Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015 để công nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất cho phía bà H5 hay ông H4 như ý kiến đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của ông H4, bà H5.

[3] Từ sự phân tích từ mục [2] đến mục [2.3.5], căn cứ Điều 612 và Điều 650 Bộ luật dân sự 2015, xác định quyền sử dụng đất diện tích 76,2 m² của căn nhà số A đường Đ, Phường B, thành phố C là di sản do cụ Huỳnh Mộc H7 và cụ Trịnh Bích D2 để lại, thuộc trường hợp thừa kế theo pháp luật. Những người thừa kế theo pháp luật của cụ H7 và cụ D2 có 05 người, gồm: bà Huỳnh Tiên N (bà N đã chết, hiện có các đồng thừa kế là ông Trương M, Trương Q, Trương C, Trương Hên P, Trương Tú H1, T), ông Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Văn D1 và bà Huỳnh Xía H2, bà Huỳnh Tích C2. Do ông H4 là người đang quản lý di sản, có công sức đóng góp, giữ gìn di sản trên nên căn cứ 618 Bộ luật dân sự 2015 và án lệ số 05/2016/AL, xét công sức cho ông H4 tương đương 01 suất thừa kế.

[4] Như vậy, giá trị quyền sử dụng đất số A đường Đ được chia đều làm sáu phần bằng nhau và mỗi người được hưởng 1/6 suất thừa kế của cụ Huỳnh Mộc H7

và cụ Trịnh Bích D2. Tuy nhiên, do bà bà Huỳnh Tích C2 không tranh chấp và không yêu cầu chia di sản thừa kế. Do đó, phần di sản mà lẽ ra bà Huỳnh Tích C2 được hưởng sẽ giao cho bị đơn – ông H4 quản lý. Trong trường hợp sau này bà C2 có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Căn cứ Chứng thư thẩm định giá ngày 21/8/2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá Thịnh V, giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 13.189.381.800đ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị Mỹ N1 – vợ ông H4 cho rằng kết quả thẩm định giá là cao so với thị trường nhưng không trình bày được cao hơn giá thị trường là bao nhiêu. Xét thấy, kết quả định thẩm định giá trên là kết quả định giá sau cùng, do Tổ chức có chức năng thẩm định giá theo qui định của pháp luật, tại cấp sơ thẩm không có đương sự nào không đồng ý với kết quả thẩm định giá này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N1 không đồng ý nhưng cũng không có yêu cầu định giá lại. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Chứng thư thẩm định giá ngày 21/8/2023 để xác định giá trị quyền sử dụng đất để chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế.

[6] Tổng giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 13.189.381.800đ, được chia như sau:

- Các đồng thừa kế của bà Huỳnh Tiên N (gồm có: ông Trương M, Trương Q, Trương C, Trương Hên P, Trương Tú H1, T), được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

- Ông Huỳnh Kim H được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

- Ông Huỳnh Văn D1 được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

- Bà Huỳnh Xía H2 được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

- Bà Huỳnh Tích C2 được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

- Ông Huỳnh Kim H4 được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

(Giao phần chi phí xây dựng nhà (giá trị căn nhà) của bà H5 và phần di sản của bà Huỳnh Tích C2 được hưởng cho ông Huỳnh Kim H4 quản lý, nếu bà H5, bà C2 có yêu cầu thì ông H4 có nghĩa vụ giao lại, trường hợp không tự giải quyết được sẽ giải quyết bằng một vụ án khác).

[6] Về việc thi hành án: Tại phiên tòa phía bị đơn đề nghị được ưu tiên mua lại kỹ phần thừa kế của các đồng thừa kế để trọn quyền sở hữu nhà và đất 11, đường Đ.

Xét thấy, lời khai của các đương sự đều xác định hiện gia đình ông H4 đang ở tại căn nhà A, đường Đ. Mặt khác, phần di sản ông H4 được chia và quản lý chiếm tỷ lệ nhiều hơn so với các đồng thừa kế khác. Vì vậy, chấp nhận đề nghị này của người đại diện hợp pháp của bị đơn, ưu tiên cho ông H4 được mua lại kỹ phần thừa kế của các đồng thừa kế để được trọn quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số A, đường Đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, tạo điều kiện cho ông Huỳnh Kim H4 thực hiện việc ưu tiên mua kỹ phần thừa kế trong hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Quá hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án mà ông H4 không hoàn kỹ phần thừa kế để được trọn quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 11 đường Đ thì người được thi hành án được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi nhà và đất số 11 đường Đ để chia cho các đương sự theo tỷ lệ đã phân chia nêu trên sau khi đã trừ chi phí phát mãi nhà và trừ số tiền xây dựng nhà cho bà H5. Đồng thời buộc tất cả những người đang cư ngụ tại căn nhà số A đường Đ, phải có trách nhiệm giao nhà khi phát mãi nhà.

[7] Từ sự phân tích nêu trên, thấy rằng bản án sơ thẩm đã xác định nhà đất số A đường Đ phải là di sản của cụ H7 và cụ D2 và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C.

[8] Về việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về thu thập thêm tài liệu chứng cứ theo như bản án phúc thẩm số 46/2022/DS-PT ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh khi hủy án đã nêu nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập. Xét thấy, như đã phân tích ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C cung cấp thông tin đối với trường hợp ông Hải đăng kê khai đối với phần đất nêu trên, nhưng các cơ quan này không cung cấp được thông tin theo yêu cầu của Tòa án, chứ không phải Tòa án chưa thu thập. Do đó, việc hủy án để thu thập tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không cần thiết, không có cơ sở chấp nhận.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được chia thừa kế đều thuộc trường hợp người cao tuổi, được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

H8 lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huỳnh Tiến N (do các ông, bà Trương M, Trương Q, Trương C, Trương Hên P, Trương Tú H1, Trương M1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng), ông Huỳnh Kim H, bà Huỳnh Xía H2, ông Huỳnh Văn D1 theo biên lai thu số 000642, 000643, 000644 ngày 03/06/2015 và biên lai thu số 001207 ngày 17/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H8 lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Huỳnh Kim H có người đại diện theo ủy quyền là ông Ong Xái K, ông Huỳnh Văn D1, bà Trương M1 theo các biên lai thu số 0000371, 0000372, 0000373 ngày 06/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Huỳnh Kim H, bà Huỳnh Xía H2, bà Trương M1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau. Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân Tỉnh Cà Mau.

2. Áp dụng Điều 100 Luật Đất đai; Điều 166, Điều 612, khoản 1 Điều 623, Điều 650, Điều 658, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; án lệ số 05/2016/AL; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim H, bà Huỳnh Xía H2, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Tiến N về việc chia di sản là giá trị quyền sử dụng đất do cha mẹ là cụ Huỳnh Mộc H7 và cụ Trịnh Bích D2 để lại theo pháp luật.

2.1. Xác định quyền sử dụng đất, diện tích 76,2m² của căn nhà số A đường Đ, Phường B, thành phố C là di sản của cụ Huỳnh Mộc H7 và cụ Trịnh Bích D2 để lại.

2.2 Toàn bộ di sản của cụ Huỳnh Mộc H7 và cụ Trịnh Bích D2 được chia đều cho 05 đồng thừa kế của cụ H7 và cụ D2 gồm: bà Huỳnh Tiến N (bà N đã chết, hiện có các đồng thừa kế là ông Trương M, Trương Quang Trương C4, Trương Hên P, Trương Tú H1, Trương M1); ông Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Văn D1, bà Huỳnh Xía H2 và bà Huỳnh Tích C2 và chia cho ông Huỳnh Kim H4(con ông Huỳnh Kim H) 01 suất thừa kế do có công sức đóng góp, giữ gìn di sản. cụ thể:

2.2.1. Các đồng thừa kế của bà Huỳnh Tiến N (gồm có: ông Trương M, Trương Q, Trương C4, Trương Hên P, Trương Tú H1, T), được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

2.2.2. Ông Huỳnh Kim H được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

2.2.3. Ông Huỳnh Văn D1 được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

2.2.4. Bà Huỳnh Xía H2 được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

2.2.5. Bà Huỳnh Tích C2 được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

2.2.6. Ông Huỳnh Kim H4 được hưởng 1/6 trị giá đất tại số A, đường Đ, tương đương 2.198.230.300đ.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không tranh chấp về giá trị xây dựng nhà số A, đường Đ và xác định bà Trương Thị H5 được hưởng toàn bộ giá trị xây dựng nhà số A, đường Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4. Giao phần chi phí xây dựng nhà của bà H5 và phần di sản của bà Huỳnh Tích C2 được hưởng cho ông Huỳnh Kim H4 quản lý, trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Ưu tiên cho ông Huỳnh Kim H4 được mua lại kỹ phần thừa kế của các đồng thừa kế nêu trên để được trọn quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số A, đường Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Sau khi ông H4 đã hoàn đủ kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế thì ông H4 được quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để hợp thức hóa quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số A đường Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho cá nhân ông H4.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn, tạo điều kiện cho ông Huỳnh Kim H4 thực hiện việc ưu tiên mua kỹ phần thừa kế trong hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

7. Quá hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án mà ông Huỳnh Kim H4 không hoàn kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế để được trọn quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số A đường Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau thì người được thi hành án được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi nhà và đất số A đường Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau để chia cho các đương sự theo tỷ lệ đã phân chia nêu trên sau khi đã trừ chi phí phát mãi nhà và trừ số tiền xây dựng nhà cho bà H5. Đồng thời buộc tất cả những người đang cư ngụ tại căn nhà số A đường Đ, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau phải có trách nhiệm giao nhà khi phát mãi nhà.

8. Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

H8 lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huỳnh Tiến N (do các ông, bà Trương M, Trương Q, Trương C4, Trương Hên P, Trương Tú H1, Trương M1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng), ông Huỳnh Kim H, bà Huỳnh Xía H2, ông Huỳnh Văn D1 theo biên lai thu số 000642, 000643, 000644 ngày 03/06/2015 và biên lai thu số 001207 ngày 17/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

9. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H8 lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Huỳnh Kim H có người đại diện theo ủy quyền là ông Ong Xái K, ông Huỳnh Văn D1, bà Trương M1 theo các biên lai thu số 0000371, 0000372, 0000373 ngày 06/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

10. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu VP , lưu hồ sơ, PQH.

Ngô Đức Thọ